

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỔNG HỢP TIỀN THƯỞNG THI ĐUA CẤP HUYỆN NĂM HỌC 2024-2025

Stt	Đơn vị	Tập thể		Cá nhân				Tổng tiền thưởng	Ghi chú
		LĐTT (Theo QĐ số 1863/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND huyện)	Giấy khen (Theo QĐ số 1871/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND huyện)	Giấy khen (Theo QĐ số 1871/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND huyện)		CSTD (Theo QĐ số 1872/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND huyện)			
				SL	Tiền	SL	Tiền		
1	MN Cẩm Hưng	1.880.000	1.410.000	7	4.970.000	5	11.700.000	19.960.000	
2	MN Ngọc Liên	1.880.000	1.410.000	6	4.260.000	7	16.380.000	23.930.000	
3	MN Cẩm Giang	1.880.000		7	4.970.000	7	16.380.000	23.230.000	
4	MN Lương Điền	1.880.000		8	5.680.000	8	18.720.000	26.280.000	
5	MN Thạch Lỗi	1.880.000		3	2.130.000	2	4.680.000	8.690.000	
6	MN Cẩm Hoàng	1.880.000	1.410.000	6	4.260.000	5	11.700.000	19.250.000	
7	MN Định Sơn	1.880.000		5	3.550.000	9	21.060.000	26.490.000	
8	MN Cẩm Vũ	1.880.000		7	4.970.000	7	16.380.000	23.230.000	
9	MN Cẩm Văn	1.880.000	1.410.000	5	3.550.000	8	18.720.000	25.560.000	
10	MN Đức Chính	1.880.000	1.410.000	5	3.550.000	6	14.040.000	20.880.000	
11	MN Cao An	1.880.000	1.410.000	6	4.260.000	7	16.380.000	23.930.000	
12	MN Lai Cách	1.880.000	1.410.000	8	5.680.000	8	18.720.000	27.690.000	
13	MN Cẩm Đoài	1.880.000	1.410.000	4	2.840.000	5	11.700.000	17.830.000	
14	MN Cẩm Đông	1.880.000		6	4.260.000	5	11.700.000	17.840.000	
15	MN Tân Trường	1.880.000	1.410.000	5	3.550.000	15	35.100.000	41.940.000	
16	MN Cẩm Phúc	1.880.000		9	6.390.000	11	25.740.000	34.010.000	
17	MN Cẩm Điền	1.880.000	1.410.000	5	3.550.000	7	16.380.000	23.220.000	
18	TH Cẩm Hưng	1.880.000	1.410.000	6	4.260.000	6	14.040.000	21.590.000	
19	TH Ngọc Liên	1.880.000		9	6.390.000	9	21.060.000	29.330.000	
20	TH Cẩm Giang	1.880.000	1.410.000	7	4.970.000	6	14.040.000	22.300.000	

Stt	Đơn vị	Tập thể		Cá nhân				Tổng tiền thưởng	Ghi chú
		LĐTT (Theo QĐ số 1863/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND huyện)	Giấy khen (Theo QĐ số 1871/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND huyện)	Giấy khen (Theo QĐ số 1871/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND huyện)		CSTD (Theo QĐ số 1872/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND huyện)			
				SL	Tiền	SL	Tiền		
21	TH Lương Điền	1.880.000	1.410.000	11	7.810.000	11	25.740.000	36.840.000	
22	TH Thạch Lỗi	1.880.000	1.410.000	5	3.550.000	3	7.020.000	13.860.000	
23	TH Cẩm Hoàng	1.880.000		5	3.550.000	10	23.400.000	28.830.000	
24	TH Định Sơn	1.880.000		14	9.940.000	12	28.080.000	39.900.000	
25	TH Cẩm Vũ	1.880.000	1.410.000	7	4.970.000	7	16.380.000	24.640.000	
26	TH Cẩm Văn	1.880.000	1.410.000	5	3.550.000	8	18.720.000	25.560.000	
27	TH Đức Chính	1.880.000		4	2.840.000	8	18.720.000	23.440.000	
28	TH Cao An	1.880.000		10	7.100.000	10	23.400.000	32.380.000	
29	TH Lai Cách	1.880.000		13	9.230.000	11	25.740.000	36.850.000	
30	TH Cẩm Đoài	1.880.000		5	3.550.000	5	11.700.000	17.130.000	
31	TH Cẩm Đông	1.880.000		11	7.810.000	11	25.740.000	35.430.000	
32	TH Tân Trường 1	1.880.000	1.410.000	12	8.520.000	9	21.060.000	32.870.000	
33	TH Tân Trường 2	1.880.000	1.410.000	8	5.680.000	7	16.380.000	25.350.000	
34	TH Cẩm Phúc	1.880.000	1.410.000	9	6.390.000	15	35.100.000	44.780.000	
35	TH Cẩm Điền	1.880.000	1.410.000	8	5.680.000	8	18.720.000	27.690.000	
36	THCS Cẩm Hưng	1.880.000		4	2.840.000	4	9.360.000	14.080.000	
37	THCS Ngọc Liên	1.880.000	1.410.000	5	3.550.000	5	11.700.000	18.540.000	
38	THCS Lương Điền	1.880.000		7	4.970.000	6	14.040.000	20.890.000	
39	THCS Cẩm Giang	1.880.000	1.410.000	7	4.970.000	7	16.380.000	24.640.000	
40	THCS Thạch Lỗi	1.880.000	1.410.000	3	2.130.000	4	9.360.000	14.780.000	
41	THCS Cẩm Hoàng	1.880.000		6	4.260.000	5	11.700.000	17.840.000	
42	THCS Định Sơn	1.880.000	1.410.000	6	4.260.000	4	9.360.000	16.910.000	

Stt	Đơn vị	Tập thể		Cá nhân				Tổng tiền thưởng	Ghi chú
		LĐTT (Theo QĐ số 1863/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND huyện)	Giấy khen (Theo QĐ số 1871/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND huyện)	Giấy khen (Theo QĐ số 1871/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND huyện)		CSTD (Theo QĐ số 1872/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND huyện)			
				SL	Tiền	SL	Tiền		
43	THCS Cẩm Vũ	1.880.000	1.410.000	4	2.840.000	6	14.040.000	20.170.000	
44	THCS Cẩm Văn	1.880.000	1.410.000	5	3.550.000	7	16.380.000	23.220.000	
45	THCS Đức Chính	1.880.000	1.410.000	6	4.260.000	7	16.380.000	23.930.000	
46	THCS Cao An	1.880.000	1.410.000	7	4.970.000	6	14.040.000	22.300.000	
47	THCS Lai Cách	1.880.000	1.410.000	8	5.680.000	7	16.380.000	25.350.000	
48	THCS Cẩm Đoài	1.880.000	1.410.000	3	2.130.000	3	7.020.000	12.440.000	
49	THCS Cẩm Đông	1.880.000	1.410.000	6	4.260.000	7	16.380.000	23.930.000	
50	THCS Tân Trường	1.880.000	1.410.000	7	4.970.000	7	16.380.000	24.640.000	
51	THCS Cẩm Phúc	1.880.000		7	4.970.000	6	14.040.000	20.890.000	
52	THCS Cẩm Điền	1.880.000		5	3.550.000	5	11.700.000	17.130.000	
53	THCS Nguyễn Huệ	1.880.000	1.410.000	8	5.680.000	15	35.100.000	44.070.000	
54	TT GDNN-GDTX	1.880.000	1.410.000	4	2.840.000	5	11.700.000	17.830.000	
		101.520.000	47.940.000	359	254.890.000	394	921.960.000	1.326.310.000	